

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						333 321	137 734	220 387			
I		CẢNG CHÍNH						87 510	24 499	63 011			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						55 612	24 499	31 113			
1		KDT HÀ BẮC	20/05	907/05	31/05	BN 1939	BÙN 3B	1 199	1 197	2	23/05	TD	
2		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 050	1 041	9	23/05	TD	
3		CT CP THAN MIỀN NAM	23/05	917/05	31/05	QUUANG HUY 36	CÁM 5A.1	1 500	1 498	2	23/05		
							CỤC 4A.2	1 300	1 294	7	23/05		
4		ĐIỆN NGHI SƠN	10/05	857/05		TRƯỜNG SA 126	CÁM 5A.10	5 250	5 231	19	24/05		MÓN: 5.230,55
5		KDT HAI PHONG	22/05	915/05	31/05	BN 1348	CÁM 4B.1	993	992	1	24/05	TD	
6		VTT VINACOMIN	23/05	838/05	31/05	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020	1 007	13	25/05	TD	Gia Hạn II
7		ĐIỆN VĨNH TẤN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	12 240	31 060	ĐỖ		ITCO:23.300 - TTHG:20.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						31 898		31 898			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
11		THAN SỐNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	ND 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
14		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
15		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
16		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
18		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
19		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
20		KDT CẦU ĐUỐNG	24/05	921/05	31/05	BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY TBGT SỐ 884/05 NGÀY 15/2/2025
21		KDT MIỀN BẮC	25/05	922/05	31/05	TRƯỜNG AN 125	CÁM 5A.1	5 050		5 050		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>139 500</u>	<u>68 780</u>	<u>95 520</u>			
		<u>Tàu đang làm hàng</u>						<u>91 100</u>	<u>68 780</u>	<u>47 120</u>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	12/05	870/05		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800	22 625	175	24/05		KDT CP:10.800 - CLM:12.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/05	898-B/05		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 600	21 355	6 245	ĐỖ		TTHG:20.000 - KVCP:7.700
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700	24 800	40 700	ĐỖ		TTCO: 25.000 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 - KVCP:5.000
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>						<u>48 400</u>		<u>48 400</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400		48 400			
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>72 407</u>	<u>20 027</u>	<u>52 380</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>20 132</u>	<u>20 027</u>	<u>105</u>			
1		CP VT&KD THAN	22/5	1 119	31/5	BN - 1296	CÁM 8A	1 150	1 133	17	23/5	TD	
2		COALIMEX	23/5	1 169	31/5	PHUC THÀNH 69	CÁM 8A	1 600	1 591	9	23/5	TD	
3		COALIMEX	21/5	1 070	31/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982	1 967	15	24/5	TD	
4		CẦU ĐUỐNG	23/5	1 135	31/5	BN - 1866	CÁM 8A	1 450	1 448	2	24/5	TD	
5		COALIMEX	23/5	1 165	31/5	BN - 2519	CỤC 1A	1 000	991	9	24/5	TD	
6		MIỀN BẮC	23/5	1 172	31/5	BN - 2699	CÁM 7B	1 960	1 951	9	24/5	PT CB	
7		COALIMEX	22/5	1 129	31/5	HOÀNG GIA 216	CÁM 7B	3 200	3 194	6	25/05	PTCB	
8		XD CN MỎ	23/5	1 174	31/5	QN - 9379	CÁM 8A	1 920	1 907	13	25/05	TD	
9		HẢI PHÒNG	25/5	1 254	31/5	HP - 5902	CÁM 7C	1 450	1 441	9	25/05	PT CB	
10		CẦU ĐUỐNG	25/5	1 256	31/5	QN - 8259	CÁM 7B	1 690	1 685	5	25/05	PT CB	
11		MIỀN BẮC	23/5	1 173	31/5	BN - 0979	CÁM 7B	1 170	1 161	9	25/05	PT CB	
12		CẦU ĐUỐNG	24/5	1 197	31/5	BN - 2203	CÁM 7B	1 560	1 559	1	25/05	PT CB	
		<u>Tàu đã làm lệnh</u>						<u>52 275</u>		<u>52 275</u>			
1		CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CỤC 8C	1 700		1 700		TD	
2		CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CỤC 8C	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
4		COALIMEX	10/5	1511/4	25/5	HD - 2528	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
5		SX&TM THAN UỐNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
8		XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
9		COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
10		CP DVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
12		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
13		CP HÀNG HẢI VN	08/5	335	23/5	BN - 2006	CÁM 8A	1 048		1 048		TD	
14		CP HÀNG HẢI VN	09/5	382	24/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
15		CP ĐTTM&DV	10/5	414	24/5	BN - 1996	CÁM 8A	2 096		2 096		TD	
16		MIỀN BẮC	10/5	487	25/5	HD - 3529	CÁM 7C	2 300		2 300		PT CB	
17		CP ĐTTM&DV	10/5	490	22/5	BN - 1839	CỤC 1B	1 020		1 020		TD	
18		CP DVVT QNINH	11/5	525	25/5	BN - 1368	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
19		COALIMEX	13/5	595	27/5	BN - 1758	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
20		CP ĐTTM&DV	15/5	738	22/5	BN - 2269	CÁM 8A	10 000		10 000		TD	
21		CẦU ĐUỐNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
22		CP VT&KD THAN	19/5	957	31/5	BN - 1799	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
23		CP VT THUỶ	20/5	1 014	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	950		950		TD	
24		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
25		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
26		THANH HOÁ	22/5	1 118	31/5	BN - 1089	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
27		HÀ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
28		CẦU ĐUỐNG	23/5	1 136	31/5	HD - 2155	CÁM 8A	1 870		1 870		TD	
29		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
30		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	
31		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	
32		HẢI PHÒNG	25/5	1 216	31/5	HD - 6299	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
33		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
34		CROMIT THANH HOÁ	25/5	1 255	31/5	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	
		MIỀN NAM	25/5	1 257	31/5	HOÀNG ANH 39	CÁM 8A	3 000		3 000		TD	
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>4 590</u>	<u>1 528</u>	<u>3 062</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						3 060	1 528	1 532			
1		DVVT TẠI QN		1011		BN 0808	Cám 8C	1 530	1 442	88	24/5		
2		DVVT TẠI QN		1011		BN 0808	Cám 8C	1 530	86	1 444	25/5		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						1 530		1 530			
1		DVVT QUẢNG NINH	20/05	1 011	31/05	BN 0808	CÁM 8C	1 530		1 530		TD	
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>9 314</u>	<u>3 908</u>	<u>5 406</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 194	3 908	286			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN (PACIFIC 01)	22/5	3172		SƠN HẢI 07	Cám 6a.1	2 294	2 009	285	23/5		
2		XNK THAN VINACOMIN	24/5	1210	31/5	HD 1823	Cám 5a.1	1 900	1 899	1	24/05		

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

